

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2018/HNGĐ-ST

Ngày 07 - 6 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Tâm.

Bà Phạm Kim Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Thanh D.

Địa chỉ: khu vực 1, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu S.

Địa chỉ: khu vực 1, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/3/2018 và quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn anh Phạm Thanh D trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thu S chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND phường III, thành phố Vị Thanh.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, tới tháng 5/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: do vợ không tôn trọng anh, nhiều lần vô cớ bỏ nhà đi, anh có khuyên bảo nhưng vợ không thay đổi, làm phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng đã chính thức sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Nay xét tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu S.

Con chung: vợ chồng có 03 đứa con chung tên Phạm Đông N, sinh ngày 19/01/2000, Phạm Thanh G, sinh ngày 28/10/2002 và Phạm Thanh T, sinh ngày 27/01/2009. Hiện 03 cháu đang sống chung với anh. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Còn cháu N và cháu G yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của các cháu.

Tài sản: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình thu thập chứng cứ bị đơn chị Nguyễn Thị Thu S đã được Toà án thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chị S không đến dự nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên toà anh Phạm Thanh D trình bày giữ như lời khai yêu cầu trước đây. Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu S vắng mặt nên không phát biểu yêu cầu.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà:

- Về tố tụng. Việc thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án của Thẩm phán, mở và điều khiển phiên toà của Hội đồng xét xử tại phiên toà là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ. Riêng bị đơn không dự phiên toà là không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Thanh D. Cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu S. Về con chung: đề nghị giao cháu Phạm Thanh G và Phạm Thanh T cho anh D nuôi dưỡng, chưa buộc chị S cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là “tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là chị Nguyễn Thị Thu S hiện tại có nơi cư trú tại khu vực 1, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

[3]. Về xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị Thu S là bị đơn trong vụ án đã được

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

[4]. Về quan hệ hôn nhân. Anh Phạm Thanh D và chị Nguyễn Thị Thu S chung sống với nhau từ năm 1999, tới năm 2004 có đăng ký kết hôn tại UBND phường III, theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của anh chị được công nhận hợp pháp từ năm 2004. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, anh D khởi kiện đến Tòa án xin ly hôn, chị S chưa thể hiện ý kiến. *Toà xét thấy*: Hôn nhân của anh chị dù được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng quá trình chung sống không hạnh phúc. Khi có mâu thuẫn anh chị không tự giải quyết được, dẫn đến ly thân nhau. Thời gian ly thân anh chị cũng không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Tại phiên tòa anh D khai không còn tình cảm với chị S và cương quyết xin ly hôn, chị S mặc dù chưa thể hiện ý kiến, nhưng thời gian ly thân cũng như quá trình tòa án thu thập chứng cứ chị S bỏ mặc không đến tòa. Điều đó chứng tỏ tình cảm của chị đối với anh D cũng không còn. Do đó cuộc sống chung của anh chị nếu để tiếp tục kéo dài sẽ không đảm bảo hạnh phúc. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Tòa chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của anh D, cho anh và chị S được ly hôn.

[5]. Con chung. Anh chị có ba đứa con chung tên Phạm Đông N, sinh ngày 19/01/2000, Phạm Thanh G, sinh ngày 28/10/2002 và Phạm Thanh T, sinh ngày 27/01/2009. Anh D yêu cầu nuôi cháu T, hai cháu N, G giải quyết theo nguyện vọng của các cháu, chị S chưa thể hiện ý kiến. *Tòa xét thấy*: cháu N hiện đã đủ 18 tuổi, đến tuổi trưởng thành, nên cháu muốn sống chung với ai là quyền của cháu, Tòa không xem xét giao cho ai nuôi dưỡng. Đối với hai cháu G, T hiện đã hơn 07 tuổi, qua hỏi ý kiến cháu G và cháu T đều yêu cầu sống chung với anh D. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Tòa chấp nhận yêu cầu của anh D giao cho anh trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu G và cháu T.

[6]. Cấp dưỡng. Theo khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Tuy nhiên do anh D chưa thể hiện yêu cầu, chị S chưa thể hiện ý kiến, nên Tòa chưa xem xét buộc cấp dưỡng trong cùng vụ án này.

[7]. Tài sản, nợ chung. Anh D khai không có, chị S chưa ý kiến, nên Tòa không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[8]. Về án phí. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc anh D có trách nhiệm chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo mức không có giá ngạch.

[9]. Đối với phát biểu về thủ tục tố tụng và đề nghị về nội dung của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thống nhất và chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28; các điều 35, 39, 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 14; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Anh Phạm Thanh D được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu S.
- Về con chung: giao 02 cháu Phạm Thanh G (giới tính: Nam), sinh ngày 28/10/2002 và Phạm Thanh T (giới tính: Nam), sinh ngày 27/01/2009 cho anh Phạm Thanh D được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Thu S chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh D chưa yêu cầu. Chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, nợ chung: chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án, do chưa có yêu cầu.

- Về án phí: Buộc anh Phạm Thanh D chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp theo biên lai thu số 0015938 ngày 15/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Anh D không phải nộp thêm.

- Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND TP. Vị Thanh.
- Chi cục THADS TP. Vị Thanh.
- UBND phường III.
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thái Sơn

